TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. ông Trương Văn Luân
2. bà Trần Thị Nơi.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2025/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 26-02-2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị B, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)
Nơi thường trú: thôn Ô, xã Q, tỉnh Hưng Yên.
Nơi ở hiện nay: thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Ô, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02-8-2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh T không

quan tâm đến vợ con; đôi bên không khắc phục được vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: chị và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Diệu L, sinh ngày 12-7-2007 và Phạm Phương T1, sinh ngày 25-02-2020, hiện cháu L đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Phương T1, không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ anh T cung cấp: Hiện nay anh T không có mặt ở gia đình, anh T hiện đang làm ăn tự do, địa chỉ cụ thể của anh T bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được; anh T thi thoảng có về nhà và liên hệ với bà qua điện thoại. Sau khi nhận các văn bản của Toà án gửi bà để bà giao cho anh T, bà đã giao, thông báo toàn bộ các văn bản cho anh T gồm giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Anh T đã biết nội dung hiện nay Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị B, quan điểm của anh T như sau:

Về hôn nhân: anh và chị B kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02-8-2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn, nay chị B có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con chung.

Về nuôi con chung: chị và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Diệu L, sinh ngày 12-7-2007 và Phạm Phương T1, sinh ngày 25-02-2020, anh T không nhất trí ly hôn nên không trình bày quan điểm.

Về quan hệ tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật luật tố tụng dân sự. Chị B thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt nên Tòa án đã

xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Phạm Văn T. Về nuôi con chung: xử giao cho chị Lê Thị Bích trực T2 nuôi dưỡng con chung Phạm Phương T1, sinh ngày 25-02-2020. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về chia tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: chị Lê Thị Bích P chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng*: chị Lê Thị Bích khởi K yêu cầu được ly hôn anh Phạm Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T, anh T biết việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị B và anh T nhưng do anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị Lê Thị Bích kết H với anh Phạm Văn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02-8-2006, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị B và anh T không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. HĐXX thấy chị B và anh T mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T, anh T biết được Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị B và anh T, Toà án đã triệu tập anh T đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không đến thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị B,

xử cho chị B được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: chị B và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Diệu L, sinh ngày 12-7-2007 và Phạm Phương T1, sinh ngày 25-02-2020, hiện cháu L đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Phạm Phương T1, chị B có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu T1, HĐXX thấy anh T không có mặt tại địa phương; hơn nữa cháu T1 là con gái, còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, vì vậy để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con chung cần giao con chung Phạm Phương T1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị B, không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T chưa có trình bày trực tiếp về tài sản nên HĐXX chưa xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Phạm Văn T.

2.Về nuôi con chung: xử giao cho chị Lê Thị Bích trực T2 nuôi dưỡng con chung Phạm Phương T1, sinh ngày 25-02-2020. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: chưa giải quyết.

4. Về án phí: chị Lê Thị Bích P chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003924 ngày 11-12-2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (chị B đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Lê Thị B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hưng Yên;
- UBND xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ, lưu HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Thủy